

Số: 1016 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 22 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án Đường giao thông vào khu di tích cấp Quốc gia đặc biệt hang Con Moong và các di tích phụ cận huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa (đoạn tuyến từ Km7+300 đến Km16+950)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Đường giao thông vào khu di tích cấp Quốc gia đặc biệt hang Con Moong và các di tích phụ cận huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa (đoạn tuyến từ Km7+300 đến Km16+950);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1280/TTr-SGTVT ngày 21/3/2022 về việc phê duyệt dự án Đường giao thông vào khu di tích cấp Quốc gia đặc biệt hang Con Moong và các di tích phụ cận huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa (đoạn tuyến từ Km7+300 đến Km16+950); kèm theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và báo cáo kết quả thẩm định số 1141/SGTVT-TĐKHKT ngày 14/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Đường giao thông vào khu di tích cấp Quốc gia đặc biệt hang Con Moong và các di tích phụ cận huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa (đoạn tuyến từ Km7+300 đến Km16+950) với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Đường giao thông vào khu di tích cấp Quốc gia đặc biệt hang Con Moong và các di tích phụ cận huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa (đoạn tuyến từ Km7+300 đến Km16+950).

2. Chủ đầu tư: Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện Thạch Thành.

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, thu hút du khách tham quan khu di tích hang Con Moong và các di tích phụ cận của huyện Thạch Thành, tăng cường khả năng kết nối giao thương giữa huyện Thạch Thành và huyện Nho Quan (Ninh Bình), góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4. Nhà thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư Thành An.

5. Địa điểm xây dựng: Thuộc địa phận xã Thành Yên và Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

6. Diện tích đất sử dụng: Khoảng 12,15ha.

7. Quy mô đầu tư xây dựng: Nâng cấp 8,225km đường giao thông đạt tiêu chuẩn đường GTNT cấp A (theo TCVN 10380:2014) có vận tốc thiết kế $V_{tk}=20\text{km/h}$, bán kính đường cong nằm nhỏ nhất $R_{\min}=30\text{m}$. Kết cấu mặt đường là bê tông xi măng và láng nhựa; công trình thoát nước bằng bê tông, bê tông cốt thép.

8. Phạm vi dự án:

- Điểm đầu Km7+300: Nối tiếp với dự án Đường giao thông vào khu di tích cấp Quốc gia đặc biệt hang Con Moong và các di tích phụ cận huyện Thạch Thành, thuộc địa phận xã Thành Yên đang đầu tư.

- Điểm cuối Km15+525,82: Giao với tuyến nhánh số 2 tại Km0+109,48 thuộc dự án đường giao thông xã Thành Minh - Thành Yên, thuộc địa phận xã Thành Minh.

- Tổng chiều dài tuyến: 8.225,82m.

9. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

9.1. Bình đồ, hướng tuyến: Tuyến chủ yếu đi theo đường hiện trạng, có điều chỉnh một số vị trí để đảm bảo tiêu chuẩn của cấp đường và cải thiện tầm nhìn. Tổng số có 75 đường cong nằm, bán kính nằm nhỏ nhất $R_{\min}=30\text{m}$.

9.2. Cắt dọc: Cao độ thiết kế trên cơ sở cao độ mặt đường hiện trạng và tần suất thủy văn tính toán, các điểm khống chế điểm đầu, điểm cuối, có đào đắp cục

bộ một số vị trí để cải thiện dốc dọc. Độ dốc dọc lớn nhất $I_{\max}=10,5\%$.

9.3. Mặt cắt ngang:

Nền đường $B_n=6,5m$, mặt đường $B_m=5,0m$, lề đất $B_{ld}=2x0,75m$. Độ dốc ngang mặt đường đoạn Km7+300 - Km10+050 là 2%, đoạn Km10+050 - Km15+525,82 là 3%; độ dốc ngang lề đường $i_l=4\%$.

9.4. Kết cấu áo đường:

- Đoạn Km7+300 - Km10+050: Mặt đường bằng bê tông xi măng M300 dày 24cm, móng bằng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm.

- Đoạn Km10+050 - Km15+525,82: Cường độ mặt đường yêu cầu $E_{yc} \geq 105Mpa$, gồm: Mặt đường láng nhựa, tiêu chuẩn nhựa $4,5kg/m^2$, móng đá dăm tiêu chuẩn lớp trên dày 12cm, móng dưới bằng cấp phối đá dăm loại II dày 28cm.

9.5. Nền đường:

- *Nền đào*: Mái taluy đào từ 1/0,5 - 1/1,0 tùy theo cấp đất, đá; lớp sát đáy kết cấu áo đường đầm lèn đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$.

- *Nền đắp*: Đắp bằng đất đồi đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$; độ dốc mái taluy nền đắp 1/1,5, gia cố mái bằng trồng cỏ.

9.6. Nút giao, đường ngang:

- Nút giao: Có 02 nút giao bằng tại Km13+300 giao với đường hiện trạng và Km15+525,82 giao với đường Thành Minh - Thành Yên; bán kính nhánh rẽ đảm bảo $R \geq 15m$. Kết cấu áo đường trong phạm vi nút giao như kết cấu phần tuyến chính. Tổ chức giao thông bằng biển báo.

- Đường ngang dân sinh: Được vượt nổi tạo êm thuận bằng bê tông xi măng M300.

9.7. Công trình thoát nước:

a) *Thoát nước mặt đường*: Bằng chảy tỏa và rãnh dọc. Cấu tạo rãnh dọc là đất, tiết diện hình thang có kích thước $(40+120) \times 40cm$; những đoạn có địa chất dễ bị xói lở được gia cố bằng đá hộc xây VXM M100 có kích thước $(40+90) \times 50cm$; đối với những đoạn nền đá cấp 3 rãnh tiết diện hình tam giác có kích thước $(80 \times 40)cm$.

b) *Thoát nước ngang*: Bằng bê tông và bê tông cốt thép. Tổng số có 35 công trình thoát nước các loại (trong đó: 13 công trình còn tốt được nối dài và xây dựng mới 21 cống, 01 đường tràn).

- Cấu tạo cống bản, cống tròn: Thân cống, tường cánh, móng, sân cống bằng bê tông xi măng M150; mũ mố bằng BTCT M200; tấm bản bằng BTCT M300; lớp phủ mặt cống bằng BTXM M300; ống cống bằng BTCT M200.

- Đường tràn: Mặt tràn bằng bê tông xi măng M300; móng bằng bê tông xi măng M100; mái tràn, chân khay và sân tràn bằng bê tông xi măng M200.

- Tràn liên hợp cống bản: Sửa chữa mở rộng mặt tràn bằng bê tông xi

mãng M300, móng bằng bê tông xi măng M100; mái trần, chân khay và sân trần bằng bê tông xi măng M200; nôi công bản có chiều dài bằng chiều rộng trần.

9.8. Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí đầy đủ cọc tiêu, cọc H, cột KM, tường hộ lan và biển báo tuân thủ theo QCVN 41:2019/BGTVT.

(chi tiết có hồ sơ TKCS kèm theo).

10. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Nhóm C, công trình giao thông, cấp IV.

11. Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

12. Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng: Chấp thuận danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng cho dự án theo báo cáo thẩm định tại Công văn số 1141/SGTVT-TĐKHKT ngày 14/3/2022 của Sở Giao thông vận tải.

13. Tổng mức đầu tư phê duyệt: 64.131.374.000 đồng (Sáu mươi bốn tỷ, một trăm ba mươi một triệu, ba trăm bảy mươi bốn nghìn đồng), trong đó:

- Chi phí bồi thường, GPMB:	7.069.378.000	đồng;
- Chi phí xây dựng:	47.660.478.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	1.019.501.000	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	3.736.801.000	đồng;
- Chi phí khác:	982.823.000	đồng;
- Chi phí dự phòng:	3.662.393.000	đồng.

(có phụ lục tổng mức đầu tư kèm theo).

14. Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh là 57.723 triệu đồng; Ngân sách huyện Thạch Thành và các nguồn huy động hợp pháp khác đảm nhận phần còn lại để hoàn thành dự án.

15. Thời gian thực hiện: Từ năm 2022 - 2024.

16. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư

- Phạm vi giải phóng mặt bằng: Phạm vi đất của đường bộ theo Khoản 3, Điều 14, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (được sửa đổi tại Khoản 1, Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ).

- Phương án tổ chức thực hiện: Giao UBND huyện Thạch Thành làm chủ đầu tư tiểu dự án giải phóng mặt bằng và tái định cư.

17. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện Thạch Thành tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong bước tiếp theo, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các kiến nghị của Sở Giao thông vận tải tại báo

cáo thẩm định số 1141/SGTVT-TĐKHKT ngày 14/3/2022 và ý kiến các ngành liên quan.

- UBND huyện Thạch Thành tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Thạch Thành; Giám đốc Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện Thạch Thành và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (đề b/c);
- Lưu: VT, CN (H'18-1 PDDA).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án: Đường giao thông vào khu di tích cấp Quốc gia đặc biệt hang Con Moong và các di tích phụ cận huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa (đoạn tuyến từ Km7+300 đến Km16+950)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: đồng.

TT	Hạng mục chi phí	Diễn giải tính toán			Thành tiền
I	CHI PHÍ BỒI THƯỜNG GPMB	Khái toán			7.069.378.000
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG	Cộng 1-3			47.660.478.000
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	43.327.707.273	x	2,353%	1.019.501.000
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD	Cộng 1-16			3.736.801.000
1	Chi phí khảo sát, lập Báo cáo NCKT	<i>Quyết định số 53/QĐ-BQLDA ngày 25/10/2021</i>			1.006.793.000
2	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT lựa chọn tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	<i>Quyết định số 36/QĐ-BQLDA ngày 24/8/2021</i>			8.391.000
3	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất bước lập thiết kế BVTC	<i>Khái toán chi tiết</i>			468.769.000
4	Chi phí lập thiết kế BVTC và dự toán	43.327.707.273	x	1,120%	533.797.000
5	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát bước BVTC	426.153.636	x	3,000%	14.063.000
6	Chi phí giám sát khảo sát bước BVTC	426.153.636	x	4,072%	19.088.000
7	Chi phí lập hồ sơ thiết kế và thi công cấm cọc GPMB	<i>Khái toán chi tiết</i>			179.384.000
8	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng	43.327.707.273	x	0,121%	57.669.000
9	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	43.327.707.273	x	0,114%	54.333.000
10	Chi phí giám sát thi công				1.175.946.330
10,1	<i>Chi phí giám sát thi công</i>	43.327.707.273	x	2,433%	<i>1.159.579.000</i>

10,2	Chi phí giám sát thi công rà phá bom mìn, vật nổ	464.545.455	x	3,203%	16.367.330
11	Chi phí khảo sát lập phương án rà phá bom mìn, vật nổ	464.545.455	x	4,000%	20.440.000
12	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu tư vấn	1.980.466.466	x	0,816%	17.777.000
13	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT XL	43.327.707.273	x	0,170%	81.023.000
14	Thẩm định HSMT và KQLCNT gói thầu xây lắp	43.327.707.273	x	0,100%	43.328.000
15	Thẩm định HSMT và KQLCNT ĐT các gói thầu tư vấn	Mức tối thiểu 2.000.000 đ/gói			6.000.000
16	Chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường	Khái toán			50.000.000
V	CHI PHÍ KHÁC	Cộng 1-7			982.823.000
1	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ	35triệu /ha	x	14,6 ha	511.000.000
2	Chi phí bảo hiểm công trình	43.327.707.273	x	0,25%	119.151.000
3	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	64.131.374.000	x 0,5 x	0,0140%	4.489.000
4	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	56.890.287.162	x 0,5 x	0,2670%	75.949.000
5	Chi phí kiểm toán độc lập	56.889.597.162	x	0,4190%	262.204.000
6	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	43.327.707.273	x 0,5 x	0,0237%	5.134.000
7	Phí thẩm định dự toán xây dựng	43.327.707.273	x 0,5 x	0,0226%	4.896.000
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	Cộng 1-2			3.662.393.000
1	Chi phí dự phòng do phát sinh khối lượng	(I+II+III+IV+V) x4.22%			2.555.810.371
2	Chi phí dự phòng do trượt giá	(I+II+III+IV+V) x1.83%			1.106.582.352
	TỔNG CỘNG	(I+II+III+IV+V+VI)			64.131.374.000